

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ COCIN
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ COCIN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: COCIN TRADING AND SERVICES JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: COCIN.,JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0110831127

3. Ngày thành lập: 09/09/2024

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 38, Ngõ 133 Thái Hà, Phường Trung Liệt, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0912272684

Fax:

Email: ctycpcocin@gmail.com

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Trồng cây hàng năm khác	0119
2.	Trồng cây cà phê	0126
3.	Trồng cây chè	0127
4.	Sản xuất các loại bánh từ bột	1071
5.	Sản xuất ca cao, sôcôla và bánh kẹo	1073
6.	Sản xuất chè	1076
7.	Sản xuất cà phê	1077
8.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
9.	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc	1430
10.	Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm	1512
11.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
12.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
13.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
14.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện	1629
15.	Sản xuất bột giấy, giấy và bìa	1701
16.	Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa	1702
17.	Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu	1709
18.	In ấn	1811
19.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
20.	Sao chép bản ghi các loại (Trừ loại Nhà nước cấm)	1820

Thời gian đăng từ ngày 10/09/2024 đến ngày 10/10/2024

21.	Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác	2393
22.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
23.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
24.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
25.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: Bán buôn, bán lẻ các loại phụ tùng, bộ phận, linh kiện của ô tô và xe có động cơ khác như: Săm, lốp, ắc quy, đèn các phụ tùng điện, nội thất ô tô và xe có động cơ khác.	4530
26.	Bán mô tô, xe máy	4541
27.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
28.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (Trừ hoạt động đấu giá)	4543
29.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa, môi giới mua bán hàng hóa (Trừ hoạt động môi giới bảo hiểm, chứng khoán; trừ hoạt động đấu giá hàng hóa)	4610
30.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (trừ loại Nhà nước cấm)	4620
31.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
32.	Bán buôn thực phẩm Chi tiết: - Bán buôn thịt và các sản phẩm từ thịt; - Bán buôn thủy sản; - Bán buôn rau, quả; - Bán buôn cà phê; - Bán buôn chè; - Bán buôn đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột;	4632
33.	Bán buôn đồ uống	4633
34.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc Lào	4634
35.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
36.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: - Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác - Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh - Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh - Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện - Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự - Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm - Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao - Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình chưa được phân vào đâu (Loại trừ: Bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế)	4649
37.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
38.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
39.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653

40.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng - Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện) - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi) - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác chưa được phân vào đâu - Kinh doanh phương tiện, thiết bị, vật tư phòng cháy và chữa cháy (Điều 41 Nghị định 136/2020/NĐ-CP) (Loại trừ: Bán buôn máy móc, thiết bị y tế)	4659
41.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
42.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại Chi tiết: - Bán buôn sắt, thép;	4662
43.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: - Bán buôn gỗ cây, tre, nứa; - Bán buôn sản phẩm gỗ sơ chế; - Bán buôn sơn và véc ni; - Bán buôn vật liệu xây dựng như: cát, sỏi; - Bán buôn giấy dán tường và phủ sàn; - Bán buôn kính phẳng; - Bán buôn đồ ngũ kim và khoá; - Bán buôn ống nối, khớp nối và chi tiết lắp ghép khác; - Bán buôn bình đun nước nóng; - Bán buôn thiết bị vệ sinh như: Bồn tắm, chậu rửa, bệ xí, đồ sứ vệ sinh khác; - Bán buôn thiết bị lắp đặt vệ sinh như: Ống, ống dẫn, khớp nối, vòi, cút chữ T, ống cao su,...; - Bán buôn dụng cụ cầm tay: Búa, cưa, tua vít, dụng cụ cầm tay khác.	4663
44.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Bán buôn phân bón, thuốc trừ sâu và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp - Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp); - Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh; - Bán buôn cao su; - Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt; - Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép; - Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại;	4669
45.	Bán buôn tổng hợp (trừ loại Nhà nước cấm)	4690
46.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
47.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
48.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
49.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
50.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
51.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742

52.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
53.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: - Bán lẻ đồ ngũ kim trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ sơn, màu, véc ni trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ kính xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát sỏi và vật liệu xây dựng khác trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ gạch ốp lát, thiết bị vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh;	4752
54.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
55.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: - Bán lẻ đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ giường, tủ, bàn, ghế và đồ dùng nội thất tương tự trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ đồ dùng gia đình bằng gốm, sứ, thủy tinh trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác còn lại chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh.	4759
56.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763
57.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh	4764
58.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
59.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772(Chính)
60.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: - Bán lẻ hoa, cây cảnh, cá cảnh, chim cảnh, vật nuôi cảnh trong các cửa hàng chuyên doanh - Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ trong các cửa hàng chuyên doanh. - Bán lẻ tranh, ảnh và các tác phẩm nghệ thuật khác (trừ đồ cổ) trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ vàng, sừng, đạn loại dùng đi săn hoặc thể thao, tem và tiền kim khí)	4773
61.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (Trừ hoạt động đấu giá)	4791
62.	Bán lẻ hàng văn hóa, giải trí lưu động hoặc tại chợ	4785
63.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ	4789
64.	Vận tải hàng hóa đường sắt	4912

65.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt) (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
66.	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương	5012
67.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
68.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
69.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt	5221
70.	Bốc xếp hàng hóa	5224
71.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: Dịch vụ đại lý, giao nhận vận chuyển - Logistics - Dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải chưa được phân vào đâu	5229
72.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
73.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
74.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
75.	Dịch vụ phục vụ đồ uống (trừ hoạt động của các quán bar, quán karaoke, quán rượu, quán giải khát có khiêu vũ)	5630
76.	Xuất bản phần mềm	5820
77.	Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình	5911
78.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
79.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
80.	Hoạt động tư vấn quản lý (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, kế toán, kiểm toán, thuế và chứng khoán);	7020
81.	Quảng cáo (không bao gồm quảng cáo thuốc lá)	7310
82.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
83.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng (Loại trừ thiết kế công trình)	7410
84.	Cho thuê xe có động cơ	7710
85.	Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí	7721
86.	Cho thuê băng, đĩa video	7722
87.	Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác	7729
88.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730

89.	Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm Chi tiết: Hoạt động của các đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm	7810
90.	Đại lý du lịch	7911
91.	Điều hành tua du lịch Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa Kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế (Điều 34 luật du lịch năm 2017)	7912
92.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
93.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại Chi tiết: Tổ chức sự kiện (không thực hiện các hiệu ứng cháy, nổ; không sử dụng chất nổ, chất cháy, hóa chất làm đạo cụ, dụng cụ thực hiện các chương trình văn nghệ, sự kiện, phim ảnh) (Trừ tổ chức họp báo)	8230
94.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh (Điều 28 Luật thương mại 2005) - Ủy thác và nhận ủy thác xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa	8299

6. Vốn điều lệ: 1.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 100.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	TRẦN ĐỨC VĂN	22/33 Cù Chính Lan, Phường Trần Tế Xương, Thành phố Nam Định, Tỉnh Nam Định, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	15.000	150.000.000	15,000	0360900169 13	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	15.000	150.000.000	15,000		
2	TRẦN NHẬT ANH	13B Ngõ Tân Thịnh, Đại La, Phường Trương Định, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	15.000	150.000.000	15,000	0010910002 19	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	15.000	150.000.000	15,000		

3	VĂN THÀNH CÔNG	P505 Nhà N03 TT ĐHCĐ, Ngõ 167, Phường Quang Trung, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	55.000	550.000.000	55,000	0420850000 50	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	55.000	550.000.000	55,000		
4	TRẦN ĐỨC ANH	13B Ngõ Tân Thịnh, Đại La, Phường Trương Định, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	15.000	150.000.000	15,000	0010970428 15	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	15.000	150.000.000	15,000		
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài , nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: **TRẦN ĐỨC ANH**

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: *08/12/1997*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: *001097042815*

Ngày cấp: *29/11/2022*

Nơi cấp: *Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội*

Địa chỉ thường trú: *13B Ngõ Tân Thịnh, Đại La, Phường Trương Định, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *13B Ngõ Tân Thịnh, Đại La, Phường Trương Định, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: *Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội*